

Bản án số: **407/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/9/2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Đỗ Tấn Nghiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4  
- Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 410/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2025/QĐST-DS ngày 20/8/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2025/QĐXXST-DS ngày 20/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 616/2025/QĐXXST-DS ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Trang Thị Thùy D**, sinh 1985;

Địa chỉ: 1 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 1 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh);

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông **Vũ Dương T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 4 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 4 P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh);

(Ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị Thùy D và ông Vũ Dương T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2007, quyển số 1/P2 ngày 03/07/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong thời gian đầu, cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc nhưng sau khi có con được 01 năm, vợ chồng dần phát sinh nhiều bất đồng trong quan điểm cuộc sống và cách nuôi dạy con dẫn đến nhiều lần cãi vã, lớn tiếng với nhau. Hai bên đã nhiều lần hòa giải, tìm cách giải quyết vấn đề với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Sau đó, cả hai ly thân, bà D đã dọn về nhà cha mẹ đẻ từ khoảng cuối năm 2010 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng nên không thể tiếp xúc trao đổi, ông T ít khi đến thăm con, không quan tâm đến việc học tập và phát triển của con, do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Vũ Dương T.

Về con chung: Bà D khai có 01 (một) con chung là cháu Vũ Đức T1, sinh ngày 03/6/2009. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Dương T: vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.*

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Dương T; Về con chung: Bà D khai có 01 (một) con chung là cháu Vũ Đức T1, sinh ngày 03/6/2009. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Vũ Dương T không có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trang Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Vũ Dương T do ông T cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước là quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Vũ Dương Thanh D1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D yêu cầu ly hôn với ông Vũ Dương T, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2007, quyền số 1/P2 ngày 03/07/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trang Thị Thùy D và ông Vũ Dương T là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn và bị đơn ly thân đã lâu, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống, duy trì tình nghĩa vợ chồng với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận

[5] Về con chung: Nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D khai hai bên có 01 (một) con chung là cháu Vũ Đức T1, sinh ngày 03/6/2009. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm con chung.

Xét thấy: Trẻ T1 hiện do bà D đang trực tiếp chăm sóc, ông T đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không có ý kiến trình bày về phần nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và nguyện vọng của trẻ T1 là muốn được ở chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao trẻ T1 cho bà D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D chưa có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T.

[7] Về tài sản chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 208; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 19, 56, 57, 58; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị Thùy D:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị Thùy D được ly hôn ông Vũ Dương T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Vũ Đức T1, sinh ngày 03/6/2009 cho bà Trang Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Vũ Dương T do bà Trang Thị Thùy D chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trang Thị Thùy D khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trang Thị Thùy D khai hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trang Thị Thùy D chịu, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trang Thị Thùy D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080787 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát khu vực 4 -TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Lan Ngọc**